

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN PC1  
PCI GROUP  
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số: 0251 / CBTT-PC1  
No: 0251 / CBTT-PC1

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2025  
Hanoi, January 25 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh  
To: *The State Securities Commission*  
*Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1/ *PCI GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam/ *18 Ly Van Phuc, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam*

- Địa chỉ giao dịch/*Address*: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam/ *583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại/*Tel.*: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: [cbtt@pc1group.vn](mailto:cbtt@pc1group.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2024 và giải trình báo cáo kết quả điều chỉnh hồi tố trên báo cáo tài chính hợp nhất và biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất và riêng quý IV năm 2024/ *Separated financial statements and consolidated financial statements for the fourth quarter of 2024 and explanation of the results of retroactive adjustments on the consolidated financial statements and changes in profit after tax on the consolidated and separated financial statements for the fourth quarter of 2024.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/01/2025 tại đường dẫn: <https://www.pc1group.vn> / *This information was published on the company's website on 25 / 01 / 2025, as in the link <https://www.pc1group.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Đại diện tổ chức**  
*Organization representative*  
**Người được ủy quyền CBTT**  
*Person authorised to disclose information*



**Hoàng Văn Sáng**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN PC1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **0261**/CV-PC1-BTC  
V/v: Giải trình báo cáo kết quả  
điều chỉnh hồi tố trên BCTC HN và  
biến động LNST Q4.2024

Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” ngày 16 tháng 11 năm 2020;

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 báo cáo và giải trình một số nội dung như sau:

I. **Báo cáo kết quả điều chỉnh hồi tố trên BCTC hợp nhất Quý 4/2024**

Như đã giải trình tại Công văn “Giải trình báo cáo kết quả điều chỉnh hồi tố trên BCTC HN và biến động LNST Q3.2024”, trong quá trình lập BCTC năm 2024, Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy BCTC hợp nhất đã phát hành năm 2023 cần điều chỉnh về cách tính và hạch toán thuế và xác định doanh thu tại hai công ty con, do đó Công ty đã điều chỉnh lại một số số liệu so sánh trên các báo cáo. Nội dung các điều chỉnh trên BCTC hợp nhất Quý 4/2024 tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, số liệu so sánh Quý 4/2023 và năm 2023 như sau:

- **Điều chỉnh về thuế giá trị gia tăng của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát (“Công ty Tấn Phát”)**

Theo quy định tại Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung Khoản 23, Điều 4, Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên vật liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất trở lên là sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”).

Công ty Tấn Phát bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ giữa năm 2023. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023, Công ty Tấn Phát đã tính toán tỷ lệ của trị giá tài nguyên khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên tổng giá thành sản phẩm xuất khẩu (“tỷ lệ CPTNNL”) với từ số (trị giá tài nguyên khoáng sản + chi phí năng lượng) không bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí, dẫn tới giá trị tỷ lệ tính ra nhỏ hơn 51%, và đánh giá sản phẩm Công ty bán xuất khẩu thuộc danh mục đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 0%. Vì vậy công ty con này đã ghi nhận các khoản thuế GTGT đầu vào trong khoản mục Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ với số tiền là 148.418 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tuy nhiên, trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2024, PC1 đã xem xét, tính toán lại tỷ lệ CPTNNL thực tế của sản phẩm xuất khẩu trong năm 2023 trong đó từ số của tỷ lệ CPTNNL bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí. Việc xác định lại này làm thay đổi tỷ lệ CPTNNL thành lớn hơn 51%, dẫn tới sản phẩm Công ty bán xuất khẩu thuộc danh mục đối tượng không chịu thuế GTGT. Do vậy, PC1 đã quyết định điều chỉnh lại số liệu so sánh này.

- ***Điều chỉnh về thuế tài nguyên của Công ty Tấn Phát***

Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 – sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên quy định: “*Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì giá tính thuế tài nguyên khai thác được xác định căn cứ vào trị giá hải quan của sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến xuất khẩu hoặc giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước.*

*Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó.”*

Tuy nhiên, Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Thuế tài nguyên (“Thông tư 152”) quy định: “*Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng tài nguyên khai thác được xác định bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm”. Và giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra là “trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu (trường hợp xuất khẩu) không bao gồm thuế xuất khẩu tương ứng với sản lượng tài nguyên xuất khẩu ghi trên chứng từ xuất khẩu nhưng không thấp hơn giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định.”*

Do có sự chưa nhất quán giữa các quy định hiện hành, Công ty Tấn Phát đã gửi văn bản xin hướng dẫn của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tuy nhiên chưa nhận được sự hướng dẫn cụ thể. Do đó Công ty Tấn Phát đã thực hiện tạm kê khai và nộp thuế tài nguyên cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023 dựa trên giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cao Bằng công bố và sản lượng tài nguyên khai thác.

Khi rà soát lại nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp, PC1 đã xác định lại giá tính thuế tài nguyên theo trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu không bao gồm thuế xuất khẩu và chi phí vận chuyển (tức là dựa trên diễn giải của PC1 về quy định của Thông tư 152), và xác định sản lượng tài nguyên tính thuế tại khâu xác định giá tính thuế - khâu bán (tức là dựa trên diễn giải về quy định của Nghị định 12) để ghi nhận thêm 17.322 triệu VND và 42.027 triệu VND nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp tương ứng cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023. Do đó, các số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại.

- ***Điều chỉnh doanh thu tạm tính của Công ty Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (“ADT”)***

Khi lập BCTC hợp nhất cho kỳ 9 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh doanh thu tạm tính mà công ty con ADT ghi nhận theo giá bán thực tế cuối cùng cho hai lô hàng bán trong tháng 9 và tháng 12 năm 2023. Tại thời điểm lập BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2024 và năm 2024, Công ty đã thực hiện tính lại và điều chỉnh phần doanh thu liên quan đến hai lô hàng này về đúng kỳ báo cáo 9 tháng đầu năm và cả năm 2023. Các số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại.

Chi tiết tăng/(giảm) các số liệu như sau:

*Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>TP-GTGT VND</b>	<b>TP-Thuế TN VND</b>	<b>ADT VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	(50.200.798.000)	(50.200.798.000)
Hàng tồn kho	10.255.156.283	3.533.528.606	-	13.788.684.889
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	(148.418.025.140)	-	-	(148.418.025.140)
Tài sản cố định hữu hình	120.309.289.002	-	-	120.309.289.002
<i>Nguyên giá</i>	<i>128.446.101.420</i>	-	-	<i>128.446.101.420</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(8.136.812.418)</i>	-	-	<i>(8.136.812.418)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.868.162.775	-	4.868.162.775
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	32.662.325.000	32.662.325.000
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	(3.570.715.971)	35.302.610.987	(1.260.806.000)	30.471.089.016
<i>Thuế TNDN</i>	<i>(3.570.715.971)</i>	<i>(6.725.229.902)</i>	<i>(1.260.806.000)</i>	<i>(11.556.751.873)</i>
<i>Thuế Tài nguyên</i>	-	<i>42.027.840.889</i>	-	<i>42.027.840.889</i>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(1.383.033.084)	(1.383.033.084)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(8.179.796.147)	(15.406.156.658)	(80.219.283.916)	(103.805.236.721)
<i>Lợi nhuận sau thuế năm nay</i>	<i>(8.179.796.147)</i>	<i>(15.406.156.658)</i>	<i>(80.219.283.916)</i>	<i>(103.805.236.721)</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(6.103.067.737)	(11.494.762.948)	-	(17.597.830.685)

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4/2023:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>TP-GTGT VND</b>	<b>TP-Thuế TN VND</b>	<b>ADT VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	(23.616.582.130)	(23.616.582.130)
Giá vốn hàng bán	17.853.579.855	22.988.334.750	-	40.841.914.605
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.853.579.855)	(22.988.334.750)	(23.616.582.130)	(64.458.496.735)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.570.715.971)	(4.597.666.950)	(1.239.437.288)	(9.407.820.209)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.282.863.884)	(18.390.667.800)	(22.377.144.842)	(55.050.676.526)
Phân bổ cho:				
Công ty mẹ	(8.179.796.146)	(10.532.335.449)	(22.377.144.842)	(41.089.276.437)
Cổ đông không kiểm soát	(6.103.067.738)	(7.858.332.351)	-	(13.961.400.089)

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2023:*

Chỉ tiêu	TP-GTGT VND	TP-Thuế TN VND	ADT VND	Tổng VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	(81.458.721.204)	(81.458.721.204)
Giá vốn hàng bán	17.853.579.855	33.626.149.508	-	51.479.729.363
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.853.579.855)	(33.626.149.508)	(81.458.721.204)	(132.938.450.567)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.570.715.971)	(6.725.229.902)	(1.239.437.288)	(11.535.383.161)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.282.863.884)	(26.900.919.606)	(80.219.283.916)	(121.403.067.406)
Phân bổ cho:				
Công ty mẹ	(8.179.796.147)	(15.406.156.658)	(80.219.283.916)	(103.805.236.721)
Cổ đông không kiểm soát	(6.103.067.737)	(11.494.762.948)	-	(17.597.830.685)

*Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2023:*

Chỉ tiêu	TP-GTGT VND	TP-Thuế TN VND	ADT VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	(17.853.579.855)	(33.626.149.508)	(81.458.721.204)	(132.938.450.567)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	8.136.812.418	-	-	8.136.812.418
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(9.716.767.437)</b>	<b>(33.626.149.508)</b>	<b>(81.458.721.204)</b>	<b>(124.801.638.149)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	37.667.116.192		50.200.798.000	87.867.914.192
Tăng, giảm hàng tồn kho	(3.533.528.606)	(10.255.156.283)	-	(13.788.684.889)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	-	37.159.678.114	32.640.956.288	69.800.634.402
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>24.416.820.149</b>	<b>(6.721.627.677)</b>	<b>1.383.033.084</b>	<b>19.078.225.556</b>
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(17.695.192.472)	-	-	(17.695.192.472)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	-	-	(1.383.033.084)	(1.383.033.084)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Mã số	1/1/2024		
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.928.169.781.905	(50.200.798.000)	1.877.968.983.905
Hàng tồn kho	141	944.433.461.208	13.788.684.889	958.222.146.097
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	226.395.550.873	(148.418.025.140)	77.977.525.733
Tài sản cố định hữu hình	221	9.519.201.639.687	120.309.289.002	9.639.510.928.689
<i>Nguyên giá</i>	222	<i>12.419.829.155.708</i>	<i>128.446.101.420</i>	<i>12.548.275.257.128</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	<i>(2.900.627.516.021)</i>	<i>(8.136.812.418)</i>	<i>(2.908.764.328.439)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	107.818.401.504	4.868.162.775	112.686.564.279
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	136.780.178.266	32.662.325.000	169.442.503.266
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	113.446.376.786	30.471.089.016	143.917.465.802
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	105.169.358	(1.383.033.084)	(1.277.863.726)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	956.798.821.659	(103.805.236.721)	852.993.584.938
<i>Lợi nhuận sau thuế năm nay</i>	421b	<i>137.082.323.571</i>	<i>(103.805.236.721)</i>	<i>33.277.086.850</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	2.086.717.131.154	(17.597.830.685)	2.069.119.300.469

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:**

	Mã số	Quý 4/2023		
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.577.460.101.953	(23.616.582.130)	2.553.843.519.823
Giá vốn hàng bán	10	2.120.863.771.899	40.841.914.605	2.161.705.686.504
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	164.601.646.939	(64.458.496.735)	100.143.150.204
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20.449.104.351	(9.407.820.209)	11.041.284.142
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	143.865.138.978	(55.050.676.526)	88.814.462.452
Phân bổ cho:				
<i>Công ty mẹ</i>	61	<i>74.276.948.411</i>	<i>(41.089.276.437)</i>	<i>33.187.671.974</i>
<i>Cổ đông không kiểm soát</i>	62	<i>69.588.190.567</i>	<i>(13.961.400.089)</i>	<i>55.626.790.478</i>

Năm 2023				
Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.775.239.783.868	(81.458.721.204)	7.693.781.062.664
Giá vốn hàng bán	10	6.194.135.244.151	51.479.729.363	6.245.614.973.514
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	388.918.155.240	(132.938.450.567)	255.979.704.673
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	90.396.362.846	(11.535.383.161)	78.860.979.685
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	303.032.989.501	(121.403.067.406)	181.629.922.095
Phân bổ cho:				
Công ty mẹ	61	139.972.323.571	(103.805.236.721)	36.167.086.850
Cổ đông không kiểm soát	62	163.060.665.930	(17.597.830.685)	145.462.835.245

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:**

Năm 2023				
Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	388.918.155.240	(132.938.450.567)	255.979.704.673
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	763.378.294.562	8.136.812.418	771.515.106.980
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.909.233.051.434	(124.801.638.149)	1.784.431.413.285
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	413.735.295.286	87.867.914.192	501.603.209.478
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(23.954.281.021)	(13.788.684.889)	(37.742.965.910)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(281.225.384.255)	69.800.634.402	(211.424.749.853)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.032.307.401.780	19.078.225.556	1.051.385.627.336
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(474.556.898.735)	(17.695.192.472)	(492.252.091.207)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.615.034.434)	(17.695.192.472)	(72.310.226.906)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	61	221.878.783	(1.383.033.084)	(1.161.154.301)



## II. Giải trình biến động LNST trên BCTC Riêng và Hợp nhất Quý 4/2024

### 1. Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Quý 4/2024 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Q4/2024	Q4/2023	Thay đổi	% tăng/(giảm)
LNST TNDN trên BCTC HN	125.840	88.814	37.026	42%

Các nguyên nhân chủ yếu của sự thay đổi là:

- Lĩnh vực mua bán điện: Tình hình thủy văn trong Quý 4/2024 tiếp tục thuận lợi giúp gia tăng doanh thu, lợi nhuận mảng thủy điện cho Tập đoàn so với cùng kỳ năm ngoái; và
- Doanh thu và lợi nhuận của lĩnh vực khoáng sản tích cực hơn so với cùng kỳ.

### 2. Báo cáo tài chính riêng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Quý 4/2024 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Q4/2024	Q4/2023	Thay đổi	% tăng/(giảm)
LNST TNDN trên BCTC riêng	103.796	53.520	50.276	94%

Các nguyên nhân chủ yếu của sự thay đổi là:



- Tình hình thủy văn trong Quý 4/2024 tiếp tục thuận lợi giúp gia tăng doanh thu, lợi nhuận mảng thủy điện cho Công ty so với cùng kỳ năm ngoái; và
- Các công ty con và công ty liên kết thực hiện phân phối cổ tức, lợi nhuận trong Quý 4/2024 cao hơn so với cùng kỳ.

Trên đây là báo cáo và giải trình của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1. Chúng tôi mong nhận được sự hỗ trợ và hợp tác của Quý Cơ quan.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- KTNB (P/h);
- Lưu VT, BTC.

TỔNG GIÁM ĐỐC   
CÔNG TY  
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
PC1  
  
Vũ Anh Dương